TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 373/2025/DS-PT
Ngày: 23 - 06 - 2025
V/v tranh chấp *"Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán:Ông Võ Ngọc Giàu

Ông Nguyễn Lê Huy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 413/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phan Nguyên P, sinh năm 1971; (Có mặt)

1.2. Bà Tiêu Thị Tú T, Sinh năm 1979; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số G, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang,

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Hồng T1, sinh năm 1965; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/3/2023 (bút lục 2-4))

2. Bị đơn: Đoàn Thị N, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị P1, sinh năm 1972; (Có mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946; (Vắng mặt)

3.3. Anh Trần Văn H, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

3.4. Chị Trần Thị Tuyết L1, sinh năm 1986; (Có mặt)

3.5. Anh Trần An K, sinh năm 1990; (Có mặt)

3.6. Chị Trần Thị Hoài P2, sinh năm 2001; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn Phan Nguyên P, Tiêu Thị Tú T cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị Hồng T1 thống nhất trình bày:

Phía nguyên đơn và chỗ ông Võ Văn M Ba là chỗ quen biết nên ông M Ba có vay số tiền 250.000.000 đồng, ngày 17/3/2022 phía nguyên đơn có đưa số tiền 250.000.000 đồng cho ông M Ba vay và có lấy lãi suất 2%/ tháng, ông M Ba hẹn 03 tháng trả lại tiền và kèm theo lãi. Sau đó ông M Ba có hỏi vay thêm 250.000.000 đồng và ông Mười B nói sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho nguyên đơn thửa đất số 1004, tờ bản đồ 21, diện tích 157,1 m^2 có căn nhà gắn liền do ông Mười B đứng tên. Phía nguyên đơn và ông M Ba thỏa thuận phía ông M Ba sẽ chuyển nhượng thửa đất nêu trên với giá 500.000.000 đồng cho nguyên đơn. Vì vậy ngày 17/8/2022 phía nguyên đơn giao thêm cho ông M Ba 250.000.000 đồng và ông M Ba giao bản chính giấy đất cho nguyên đơn giữ.

Ngày 10/10/2022 thì ông Mười B và vợ là bà Đoàn Thị N đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng cho nguyên đơn thửa đất số 1004 với giá 500.000.000 đồng. Phía nguyên đơn có ý kiến trong hạn 04 tháng sẽ cho ông M Ba mua lại thửa đất và căn nhà gắn liền với giá 500.000.000 đồng, cùng với lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/ tháng.

Tuy nhiên khi hết thời hạn 04 tháng hai bên thỏa thuận nêu trên thì ông M Ba không có tiền mua lại nhà, đất nên phía nguyên đơn làm thủ tục sang tên thửa đất 1004 nguyên đơn đứng tên theo đúng quy định pháp luật. Ngày 21/02/2023 thì nguyên đơn là ông Phan Nguyên P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 1004, tờ bản đồ 21, diện tích 157,1 m^2 có căn nhà gắn liền, thửa đất tọa lạc ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khoảng đầu tháng 03/2023 thì phía ông M Ba chết, phía nguyên đơn yêu cầu bà N giao nhà và đất thì bà N xác định nhà đất hiện nay do bà Trần Thị P1 đang quản lý sử dụng, bà không có quản lý sử dụng.

Nay phía nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Phía nguyên đơn yêu cầu bà Đoàn Thị N, bà Trần Thị P1 và các thành viên hộ gia đình bà P1 phải cùng trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 21, diện tích theo giấy 157,1 m^2 và căn nhà gắn liền do ông P đứng tên, được Sở tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/02/2023. Phía nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tiếp tục và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1004, tờ bản đồ 21, diện tích:

157,1m^2, đất cây lâu năm, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, tại địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giữa nguyên đơn với ông Võ Văn Mười B và bà Đoàn Thị N, hợp đồng đã được chứng thực ngày 10/01/2022.

Bị đơn bà Đoàn Thị N trình bày:

Vào năm 2022 thì phía chồng bà là ông Mười B có vay số tiền của nguyên đơn là 500.000.000 đồng, do không có tiền trả nợ nên vợ chồng ông bà thống nhất đồng ý chuyển nhượng thửa đất số 1004 cho ông Phan Nguyên P, trên đất có căn nhà gắn liền, phía ông Phan Nguyên P đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất. Bà xác định từ khi ông P đứng tên nhà đất thì bà không có ở và sinh sống trên căn nhà đó mà theo bà biết thì người đang ở và sinh sống trên đó là bà Trần Thị P1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P1 trình bày:

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thửa đất đang tranh chấp trước đây là do con gái bà là Trần Thị Hoài P2 đứng tên, quá trình sử dụng đất thì bà không biết lý do gì mà con bà chuyển nhượng cho ông Võ Văn M Ba và bà Đoàn Thị N. Thời gian sau bà được biết là ông Mười B và bà N đã chuyển nhượng lại phần nhà và đất nêu trên cho ông P. Phần nhà và đất nêu trên là bà đã sinh sống từ khoảng năm 1992 đến nay. Các thành viên hộ gia đình bà đi làm xa ít ở, thỉnh thoảng lâu lâu mới về, bà là người trực tiếp quản lý và sinh sống trên phần đất và căn nhà gắn liền nêu trên.

Nay bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà xin chuộc lại nhà và đất với giá 300.000.000 đồng, xin trả dần.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 228, 235, 243, 244, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các điều 117, 166 của bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ điều 100, 104, 166, 170 của Luật đất đai. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Nguyên P và bà Tiêu Thị Tú T.

Buộc bà Đoàn Thị N, bà Trần Thị P1 và các thành viên hộ bà P1 gồm: bà Nguyễn Thị L, anh Trần Văn H, chị Trần Thị Tuyết L1, anh Trần An K, chị Trần Thị Hoài P2 phải giao trả cho ông Phan Nguyên P và bà Tiêu Thị Tú T thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 21, diện tích theo giấy là 157,1 m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 160,6 m^2) và căn nhà gắn liền trên đất được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 21/02/2023 do ông Phan Nguyên P đứng tên. Thửa đất số 1004 tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang có tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp với đất ông Nguyễn Việt H1.

+ Hướng Nam giáp với đất bà Nguyễn Thị L

+ Hướng Đông giáp với đất bà Nguyễn Thị L.

+ Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị T2.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo của thửa đất số 1004)

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tiếp tục và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 1004, tờ bản đồ 21, diện tích: 157,1m^2, đất cây lâu năm, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, tại địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giữa nguyên đơn với ông Võ Văn Mười B và bà Đoàn Thị N, hợp đồng đã được chứng thực ngày 10/01/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án số 126/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 theo hướng cho bà P1 và hộ bà P1 chuộc lại nhà đất thửa 1004 với giá 300.000.000 đồng trong hạn 3 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phan Nguyên P và bà Tiêu Thị Tú T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đoàn Thị N, bà Trần Thị P1 và các thành viên hộ gia đình bà P1 phải có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 21, diện tích theo giấy 157,1 m^2 và căn nhà gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho ông P ngày 21/02/2023.

- Người kháng cáo bà Trần Thị P1 thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, điều tra thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến xét xử chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 126/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Phan Nguyên P và bà Tiêu Thị Tú T yêu cầu bà Đoàn Thị N bà Trần Thị P1 và các thành viên hộ gia đình bà P1 phải có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 21, diện tích theo giấy 157,1 m^2 và căn nhà gắn liền trên đất do ông P đứng tên, được Sở tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/02/2023. Tuy nhiên cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đòi quyền sử dụng đất" là chưa chính xác cần điều chỉnh lại là tranh chấp "*đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên đất*" cho phù hợp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phan Nguyên P và bà Tiêu Thị Tú T với bị đơn bà Đoàn Thị N là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị P1 là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị P1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Bà P1 xác định sinh sống cùng mẹ, các anh chị em và con gồm Nguyễn Thị L, Trần Văn H, Trần Thị Tuyết L1, Trần An K và Trần Thị Hoài P2 trên nhà đất tranh chấp từ năm 1992 cho đến hiện nay vẫn còn. Lời khai này được phía nguyên đơn và bà N (vợ ông B) thừa nhận. Bà hoàn toàn không biết việc con bà là Trần Thị Hoài P2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn M Ba và yêu cầu cấp phúc thẩm trích lục hồ sơ chuyển nhượng này. Hiện gia đình bà không có đất hoặc nơi ở nào khác.

[5.2] Theo hồ sơ chuyển nhượng đất từ chị P2 qua ông B (do cấp phúc thẩm thu thập) thể hiện thời gian ký kết hợp đồng là vào ngày 11/02/2022. Giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng. Chỉ thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có thể hiện bán cả nhà trên đất. Sau khi ông M Ba được đứng tên đến ngày 10/10/2022 ông B chuyển nhượng cho ông P. Đến ngày 10/01/2023 ông P mới làm thủ tục sang tên. Quá trình chị P2 bán cho ông B, cũng như ông Ba bán cho ông P các bên chưa hề bàn giao tài sản mua bán cho người mua.

[5.3] Theo biên bản định giá ngày 27/10/2023 thì phần đất chuyển nhượng diện tích 157,1 m^2 có giá là 54.985.000 đồng. Nhà kiên cố trên đất có giá là 322.170.000 đồng. Hàng rào xung quanh giá là 8.410.800 đồng. Tổng giá trị nhà đất là 385.565.800 đồng.

[5.4] Tại phiên tòa bà P1 có cung cấp hồ sơ bệnh án của con bà là Trần Thị Hoài P2 điều trị tại Bệnh viện Tâm Thần tỉnh T, trong hồ sơ thể hiện Trần Thị Hoài P2 có các triệu chứng rối loạn thần. Thời gian nhập viện ngày 23/12/2021 đến ngày 12/01/2022 và vẫn còn phải thăm khám điều trị bệnh tại bệnh viện cho đến nay. Bà yêu cầu trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với chị P2 tại thời điểm ký kết hợp đồng với ông B và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

* Nhận thấy: Để giải quyết xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn một cách toàn diện thì phải xem xét đánh giá tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Trần Thị Hoài P2 với ông Võ Văn M Ba. Tuy nhiên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông B và chị P2 có nhiều điểm chưa phù hợp, cần xác minh làm rõ như sau:

+ Chỉ thỏa thuận chuyển nhượng đất mà không có chuyển nhượng nhà trên đất là không khả thi và cho đến nay phía chị P2 chưa hề giao nhà đất cho ông B.

+ Giá trị chuyển nhượng chỉ 100.000.000 đồng trong khi theo định giá tổng tài sản trị giá là 385.565.800 đồng là thấp hơn giá thực tế gấp nhiều lần.

+ Theo đơn kiện ông P trình bày sau khi đứng tên giấy mới yêu cầu bà N giao nhà (lúc này ông B đã chết) thì bà N mới báo cho ông biết người đang quản lý sử dụng căn nhà đã bán cho ông P là bà P1. Lúc đó ông P mới khởi kiện yêu cầu bà N, bà P1 giao nhà. Như vậy người mua nhà nhưng không hề biết trong căn nhà có gia đình bà P1 đang sinh sống là trái lẽ thường.

+ Chưa làm rõ tình trạng tâm thần của chị P2 tại thời điểm giao kết hợp đồng với ông B (Cấp phúc thẩm có quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần cho chị P2 theo yêu cầu bà P1 nhưng cơ quan giám định nhiều lần trả lại hồ sơ chưa thụ lý) nên chưa đủ căn cứ xem xét tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị P2 và Ông B.

* Về tố tụng: Đơn xin vắng của bà Nguyễn Thị L, anh Trần Văn H, anh Trần An K và chị Trần Thị Hoài P2 đều do bà P1 tự ký thay và giao nộp cho tòa. Chị P2 không hề biết mình là người có liên quan trong vụ án và không được triệu tập tham gia tố tụng. Không có ý kiến hoặc yêu cầu độc lập đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị với ông B. Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm bà P1 cung cấp biên lai thu tạm ứng án phí của Tòa án nhân dân huyện C để tòa thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Trần Thị Hoài P2 với ông B bằng một vụ kiện riêng là không phù hợp.

Từ các sai phạm trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại theo quy định. Do án sơ thẩm bị hủy nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của bà P1.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã nêu trên nên chấp nhận.

[7] Về án phí: bà Trần Thị P1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Tuyên hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 126/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang để điều tra giải quyết lại theo quy định.

3. Về án phí: Bà Trần Thị P1 không phải chịu án phí phúc thẩm. H2 lại bà P1 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0015378 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang.

- Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định lại khi xét xử sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân